

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2015/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ; Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 20/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 29/TTr-SGTVT ngày 19/3/2015 về việc ban hành quy định về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc tỉnh Quảng Ngãi và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 31/BC-STP ngày 16/3/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2011 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông; Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất, Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Viết Chữ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc tỉnh Quảng Ngãi

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương (gồm: đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi quản lý) thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc tỉnh Quảng Ngãi.
2. Tổ chức, cá nhân có đường chuyên dùng căn cứ vào Quy định này để quy định và áp dụng cho phù hợp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ quan quản lý đường bộ* gồm: Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã).
2. *Cơ quan quản lý đường bộ các tuyến đường trên địa bàn Khu Kinh tế Dung Quất* (trừ đường huyện, đường xã) được UBND tỉnh giao quản lý là Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất; *Cơ quan quản lý đường bộ các tuyến đường trong các Khu Công nghiệp Quảng Ngãi* được UBND tỉnh giao quản lý là Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi.
3. *Chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ* là Cơ quan quản lý đường bộ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.
4. *Đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ* là tổ chức, cá nhân được chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ giao nhiệm vụ hoặc hợp đồng thực hiện một hoặc một số công việc quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

5. *Đường chính* là đường bảo đảm giao thông chủ yếu trong khu vực, gồm: đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện.

6. *Đường nhánh* là đường nối vào đường chính, gồm: Đường đô thị khi đầu nối vào đường tỉnh; đường huyện khi đầu nối vào đường tỉnh, đường đô thị; đường xã khi đầu nối vào đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện; đường chuyên dùng.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Công trình đường bộ cấp đặc biệt, cấp I, cấp II trước khi đưa vào khai thác sử dụng hoặc đang khai thác sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, quy trình khai thác thì phải lập quy trình bảo trì, quy trình khai thác; các công trình còn lại không bắt buộc lập quy trình.

2. Chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ phải thực hiện công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do mình quản lý và chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

3. Tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức sửa chữa định kỳ, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa đột xuất công trình đường bộ: Áp dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức do Bộ Giao thông vận tải và Bộ Xây dựng ban hành.

4. Trường hợp đường bộ đi chung với công trình thủy lợi thì việc quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương

1. Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh.

2. Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý.

3. UBND cấp huyện tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường huyện, đường đô thị (trừ công tác tổ chức giao thông).

4. UBND cấp xã tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường xã.

Chương II

QUẢN LÝ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ, TỔ CHỨC GIAO THÔNG VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

Điều 6. Nội dung quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Lưu giữ hồ sơ hoàn thành công trình, quy trình bảo trì và quy trình khai thác công trình đường bộ.

2. Lập, quản lý và sử dụng các hồ sơ tài liệu sau:

a) Hồ sơ lý lịch cầu, hồ sơ đăng ký đường bộ; cập nhật, bổ sung tình trạng thay đổi công trình cầu, đường bộ;

b) Bình đồ duỗi thẳng hành lang an toàn đường bộ; hồ sơ quản lý vị trí đầu nối và các công trình thiết yếu trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ. Định kỳ 3 tháng một lần cập nhật, bổ sung các phát sinh về tình hình vi phạm, giải tỏa, tháo dỡ công trình vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đất của đường bộ;

c) Lập báo cáo tình hình quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

d) Ghi nhật ký tuần đường;

đ) Lập, quản lý và sử dụng quy trình bảo trì được duyệt.

3. Lập hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ gồm:

a) Hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ bao gồm tình trạng sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ, các công trình ảnh hưởng đến an toàn đường bộ, an toàn giao thông; vi phạm, thời điểm vi phạm và quá trình xử lý vi phạm;

b) Hồ sơ đầu nối đường nhánh được lập riêng để theo dõi và cập nhật bổ sung các vi phạm liên quan đến đầu nối đường nhánh để làm việc với các cấp có thẩm quyền và chính quyền địa phương nhằm đảm bảo an toàn giao thông đường bộ;

c) Lập hồ sơ quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm hồ sơ hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật nằm trong hành lang an toàn đường bộ.

4. Phối hợp với công an, cơ quan, đơn vị chức năng, ủy ban nhân dân các cấp quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; tổ chức lập, trình kế hoạch bảo trì theo quy định của pháp luật; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án sửa chữa công trình đường bộ theo quy định của pháp luật; tổ chức đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch bảo trì và ký kết hợp đồng giao nhà thầu thực hiện bảo trì công trình.

5. Theo dõi, cập nhật tình trạng hư hỏng, xuống cấp công trình đường bộ gồm:

a) Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất và đánh giá tình trạng hư hỏng, xuống cấp của công trình;

b) Theo dõi thường xuyên và cập nhật tình trạng chất lượng công trình, kịp thời phát hiện các hiện tượng hư hỏng, xuống cấp của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình;

c) Lập báo cáo định kỳ hàng quý về tình hình chất lượng công trình; báo cáo đột xuất khi xuất hiện hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình;

d) Thực hiện các công việc khác theo quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì và quy trình bảo trì công trình đường bộ.

6. Thực hiện đếm xe, phân tích số liệu và đánh giá sự thay đổi của lưu lượng xe; lưu giữ số liệu đếm xe trên các tuyến đường.

7. Theo dõi, tổng hợp số vụ tai nạn giao thông, số người chết, số người bị thương, xác định nguyên nhân ban đầu từng vụ tai nạn; phối hợp với cơ quan công an, chính quyền địa phương để giải quyết tai nạn giao thông theo thẩm quyền.

8. Lắp đặt, điều chỉnh hệ thống báo hiệu đường bộ phù hợp với tình hình giao thông trên đường bộ; kiểm tra, xác định và xử lý các vị trí điểm đen tai nạn giao thông đường bộ, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ.

9. Tổ chức thực hiện công tác đảm bảo giao thông, vệ sinh môi trường; trực phòng, chống và khắc phục hậu quả lụt, bão.

Điều 7. Tổ chức giao thông

1. Nội dung tổ chức giao thông trên hệ thống đường bộ địa phương theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Luật Giao thông đường bộ.

2. Trách nhiệm tổ chức giao thông:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tổ chức chức giao thông đối với đường tỉnh, đường đô thị, các tuyến đường do Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và Ban Quản lý Khu Công nghiệp Quảng Ngãi quản lý;

b) Ủy ban nhân dân các huyện quy định tổ chức giao thông đối với đường huyện do mình quản lý (trừ đường đô thị);

c) Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tổ chức giao thông đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Bảo trì công trình đường bộ

1. Cơ quan quản lý đường bộ thực hiện công tác bảo trì công trình đường bộ theo nội dung quy định tại Điều 4 Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ (*sau đây viết tắt là Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT*).

2. Tổ chức thực hiện bảo trì công trình đường bộ theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng (*sau đây viết tắt là Nghị định số 114/2010/NĐ-CP*).

Điều 9. Nội dung quy trình bảo trì và quy trình khai thác công trình đường bộ

1. Quy trình bảo trì công trình đường bộ được lập bảo đảm bao quát toàn bộ các bộ phận công trình, bao gồm các nội dung sau:

- a) Quy định các thông số kỹ thuật, công nghệ, xử lý kết quả quan trắc khi công trình có yêu cầu thực hiện quan trắc;
- b) Quy định đối tượng, phương pháp và tần suất kiểm tra công trình;
- c) Quy định nội dung và chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng công trình;
- d) Xác định thời điểm, đối tượng và nội dung cần kiểm định định kỳ;
- đ) Quy định thời điểm và chỉ dẫn thay thế định kỳ các thiết bị lắp đặt vào công trình;
- e) Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa các hư hỏng của công trình, xử lý các trường hợp công trình bị xuống cấp, quy định các điều kiện nhằm bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện bảo trì công trình.

2. Quy trình khai thác công trình đường bộ phải bảo đảm bao quát các quy định về tổ chức giao thông, tải trọng khai thác, tốc độ, thành phần xe, bố trí làn xe, trình tự vận hành thiết bị lắp đặt vào công trình, các quy định về cứu hộ, an toàn cháy nổ và các nội dung khác có liên quan.

Điều 10. Lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy trình bảo trì và quy trình khai thác công trình đường bộ

1. Lập quy trình bảo trì và quy trình khai thác công trình đường bộ:

a) Đối với công trình được xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp: Chủ đầu tư có trách nhiệm lập quy trình bảo trì, quy trình khai thác công trình đường bộ theo quy định. Nhà cung cấp thiết bị (nếu có) có trách nhiệm bàn giao quy trình bảo trì, quy trình khai thác thiết bị do mình cung cấp cho chủ đầu tư;

b) Đối với công trình đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, quy trình khai thác: Chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ có trách nhiệm lập quy trình bảo trì, quy trình khai thác theo quy định.

2. Tổ chức thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy trình bảo trì và quy trình khai thác công trình đường bộ:

a) Đối với công trình được xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp: Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì và quy trình khai thác công trình đường bộ trước khi nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng;

b) Đối với công trình đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, quy trình khai thác: Chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ tổ chức thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì và quy trình khai thác công trình đường bộ trên các tuyến đường do mình quản lý.

Điều 11. Lập, phê duyệt, điều chỉnh và thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Nội dung kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hàng năm bao gồm:

a) Kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên công trình;

b) Kế hoạch sửa chữa công trình đường bộ theo từng tuyến (đoạn tuyến) và các công trình khác (nếu có).

2. Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ phải nêu đầy đủ các thông tin sau:

- a) Tên công trình, hạng mục công trình chủ yếu;
- b) Đơn vị, khối lượng, kinh phí thực hiện;
- c) Thời gian thực hiện;
- d) Phương thức thực hiện và mức độ ưu tiên.

3. Chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ trên các tuyến đường do mình quản lý và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

4. Việc điều chỉnh, bổ sung hạng mục trong kế hoạch bảo trì công trình đường bộ do chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ thực hiện để phù hợp với điều kiện thực tế trong tổng thể kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đã được phê duyệt.

5. Trong trường hợp sửa chữa đột xuất, chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ phải báo cáo cấp có thẩm quyền, đồng thời tổ chức thực hiện sửa chữa nhằm bảo đảm an toàn giao thông theo quy định.

Chương III **BẢO VỆ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG** **GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Điều 12. Bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ là thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các hành vi xâm phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, bảo đảm an toàn, tuổi thọ của công trình và an toàn giao thông.

2. Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gồm đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ, phần trên không, phần dưới mặt đất, phần dưới mặt nước có liên quan đến an toàn công trình và an toàn giao thông đường bộ.

3. Bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 16, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (*sau đây viết tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP*) và Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (*sau đây viết tắt là Nghị định số 100/2013/NĐ-CP*).

Điều 13. Sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ

1. Đất dành cho đường bộ chỉ dành để xây dựng công trình đường bộ, sử dụng và khai thác để phục vụ cho mục đích an toàn giao thông vận tải đường bộ, trừ một số công trình thiết yếu không thể bố trí ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ.

2. Việc khai thác, sử dụng trong phạm vi đất dành cho đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và Khoản 4, Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP.

Điều 14. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường bộ địa phương

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ để được xem xét giải quyết.

2. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy định này.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu gồm:

a) Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy định này;

b) Hồ sơ thiết kế phải đầy đủ bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình (*bản chính*);

c) Văn bản cam kết di chuyển hoặc cải tạo công trình đúng tiến độ theo yêu cầu của chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ, không yêu cầu bồi thường và tự chịu kinh phí để thực hiện việc di chuyển hoặc cải tạo công trình của chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu (*bản chính*).

4. Trong thời hạn 10 (*mười*) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ có văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu cho chủ đầu tư. Trường hợp không đồng ý, chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 15. Cấp phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường bộ địa phương

1. Trước khi thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, chủ đầu tư công trình phải lập thủ tục đề nghị chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ cấp phép thi công.

2. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy định này.

3. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công gồm:

a) Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định này;

b) Văn bản chấp thuận của chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ (*bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu*);

c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (02 bộ), trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (*bản chính*).

4. Trong thời hạn 10 (*mười*) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Trường hợp không cấp phép, chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình thiết yếu có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ.

6. Chủ đầu tư công trình thiết yếu nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ lưu trữ và bổ sung, cập nhật công trình thiết yếu vào hồ sơ quản lý tuyến đường (*bản sao có công chức, chứng thực*).

7. Chủ sử dụng công trình thiết yếu chịu trách nhiệm bảo trì công trình thiết yếu; việc bảo dưỡng thường xuyên công trình thiết yếu không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải đảm bảo an toàn giao thông và chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông do việc thi công gây nên; khi sửa chữa định kỳ phải gửi hồ sơ đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 16. Cấp phép thi công công trình đường bộ trên các tuyến đường bộ địa phương đang khai thác

1. Trước khi thi công công trình đường bộ chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ phải lập thủ tục đề nghị chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ cấp phép thi công.

2. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy định này.

3. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định này;

b) Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cấp có thẩm quyền (*bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu*);

c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (*bản chính*).

4. Trong thời hạn 10 (*mười*) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ cấp phép thi công công trình đường bộ. Trường hợp không cấp phép, chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Tổ chức, cá nhân thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải nghiêm chỉnh thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ.

Điều 17. Chấp thuận và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm

thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường bộ địa phương

1. Trước khi thi công xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ, tổ chức, cá nhân phải lập thủ tục đề nghị chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ chấp thuận và cấp phép thi công. Trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận và cấp phép thi công thực hiện như đối với công trình thiết yếu.

2. Việc lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ, tuân thủ theo các quy định của pháp luật về quảng cáo và pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Tổ chức, cá nhân được chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ chấp thuận và cấp phép thi công, lắp đặt biển quảng cáo chịu trách nhiệm về kỹ thuật, mỹ thuật, điều kiện an toàn, các quy định có liên quan khác trong quá trình thi công xây dựng, lắp đặt và sử dụng biển quảng cáo trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ.

4. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo, tính từ mép đất của đường bộ đến điểm gần nhất của biển quảng cáo, tối thiểu bằng 1,3 (*một phẩy ba*) lần chiều cao của biển (*điểm cao nhất của biển*) và không được nhỏ hơn 05 (*năm*) mét.

5. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo lắp đặt ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định tại Khoản 4 Điều này. Nếu giới hạn này bị vi phạm, Chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ đề nghị cơ quan cấp phép xây dựng biển quảng cáo yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng việc lắp đặt biển quảng cáo.

Điều 18. Xây dựng công trình thiết yếu trên các tuyến đường bộ địa phương xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo

1. Khi lập dự án xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc nắn chỉnh tuyến, xây dựng tuyến tránh, chủ đầu tư dự án phải thực hiện:

a) Thông báo về thông tin cơ bản của dự án để các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết;

b) Tổng hợp nhu cầu xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của dự án, báo cáo về cấp quyết định đầu tư để được xem xét các vấn đề có liên quan. Đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình thiết yếu;

c) Căn cứ ý kiến của cấp quyết định đầu tư, chủ đầu tư dự án đường bộ thông báo cho tổ chức có công trình thiết yếu biết việc xây dựng hợp kỹ thuật hoặc việc thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu.

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xây dựng công trình thiết yếu có liên quan đến dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo đường tỉnh phải thực hiện:

a) Gửi văn bản đề nghị (kèm theo yêu cầu thiết kế kỹ thuật của hạng mục công trình thiết yếu sẽ xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ) đến chủ đầu tư dự án xây dựng đường tỉnh;

b) Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu và đồng bộ với quá trình thi công dự án đường bộ.

3. Khi có nhu cầu thi công, lắp đặt công trình thiết yếu trong hợp kỹ thuật của công trình đường bộ đã được xây dựng, chủ đầu tư dự án có công trình thiết yếu thực hiện theo quy định tại Điều 15 Quy định này để được cấp giấy phép thi công và chi trả kinh phí thuê hợp kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

4. Mọi chi phí phát sinh để thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu gây ra do chủ đầu tư công trình thiết yếu chi trả.

Điều 19. Trình tự và cách thức thực hiện thủ tục hành chính

1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại văn thư hoặc bộ phận một cửa của chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ hoặc qua hệ thống bưu chính.

2. Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn trả kết quả. Trường hợp không đúng quy định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

3. Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ có văn bản chấp thuận hoặc cấp phép thi công theo quy định. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ và không hợp lệ phải có thông tin phản hồi để tổ chức, cá nhân biết hoàn thiện lại hồ sơ.

Chương IV

ĐẦU NỐI ĐƯỜNG NHÁNH VÀO ĐƯỜNG BỘ ĐỊA PHƯƠNG

Điều 20. Đầu nối đường nhánh vào đường chính

1. Đường nhánh đầu nối vào đường chính trên hệ thống đường bộ địa phương phải thông qua điểm đầu nối thuộc quy hoạch các điểm đầu nối vào đường chính đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc thiết kế nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường chính phải thực hiện theo quy định về thiết kế nút giao tại Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.

3. Đối với công trình nhà ở xây dựng mới không được phép đầu nối trực tiếp vào đường chính mà phải thông qua đường nhánh. Các đường đầu nối từ nhà ở vào đường chính đã có từ trước phải xóa bỏ dần và thay thế bằng đường gom theo quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt.

4. Trường hợp cần thiết, xem xét cho phép đầu nối tạm có thời hạn để vận chuyển vật tư, thiết bị và thi công các dự án: Chủ đầu tư công trình phải căn cứ tiêu

chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý đường bộ xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông (*có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông*) của điểm đầu nối vào đường chính. Khi hết thời hạn đấu nối tạm, chủ đầu tư công trình phải hoàn trả như hiện trạng ban đầu.

Điều 21. Quy hoạch các điểm đầu nối vào đường chính

1. Quy hoạch các điểm đầu nối bao gồm việc xác định vị trí, hình thức giao cắt giữa đường chính với đường nhánh để xây dựng nút giao thông và phương án tổ chức giao thông nhằm bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ công trình đường bộ.

2. Việc lập quy hoạch các điểm đầu nối có thể thực hiện cho tất cả các tuyến đường chính hoặc lập riêng cho từng tuyến; trách nhiệm lập, thẩm định quy hoạch các điểm đầu nối vào đường chính thực hiện như sau:

a) Đối với quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh: UBND cấp huyện tổ chức lập, thẩm định quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh và lấy ý kiến thỏa thuận của Sở Giao thông vận tải trước khi phê duyệt quy hoạch;

b) Đối với quy hoạch các điểm đầu nối vào đường đô thị, đường huyện: UBND cấp huyện tổ chức lập, thẩm định quy hoạch các điểm đầu nối;

c) Đối với các tuyến đường do Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi quản lý: Thực hiện theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quy định về khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường chính như sau:

a) Đối với đường tỉnh:

- Trong khu vực nội thành, nội thị các đô thị: Theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền về quy hoạch đô thị phê duyệt;

- Ngoài khu vực nội thành, nội thị các đô thị: Khoảng cách giữa hai điểm đầu nối không nhỏ hơn 2.000 mét đối với đường cấp I, cấp II và không nhỏ hơn 1.000 mét đối với đường cấp III trở xuống;

- Khi tuyến đường đi qua khu vực có địa hình mà hành lang an toàn đường bộ bị chia cắt (*như núi cao, vực sâu, sông, suối và các chướng ngại vật khác không thể đi dờn được*): Khoảng cách giữa hai điểm đầu nối không nhỏ hơn 500 mét.

b) Đối với đường đô thị: Khoảng cách giữa các điểm đầu nối theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Đối với đường huyện: Khoảng cách giữa hai điểm đầu nối không nhỏ hơn 500 mét đối với khu vực đồng bằng và không nhỏ hơn 300 mét đối với khu vực miền núi.

d) Vị trí đầu nối của đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu vào đường chính vừa phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật; đồng thời phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều này.

4. Quy hoạch các điểm đầu nối vào mỗi tuyến đường chính được lập thành bộ hồ sơ riêng để theo dõi, quản lý. Hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối gồm: Thuyết minh và bản vẽ quy hoạch.

5. Thỏa thuận quy hoạch các điểm đầu nối

a) Đối với đường tỉnh: UBND cấp huyện gửi văn bản đề nghị thỏa thuận kèm theo 01 bộ (*một bộ*) hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối đến Sở Giao thông vận tải để lấy ý kiến thỏa thuận;

b) Đối với đường đô thị, đường huyện và đường do Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi quản lý: Chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ tự tổ chức thực hiện.

Điều 22. Phê duyệt và thực hiện quy hoạch các điểm đầu nối vào đường chính

1. Phê duyệt quy hoạch

a) Đối với đường tỉnh: Căn cứ văn bản thỏa thuận của Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện phê duyệt quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh, công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch; gửi hồ sơ quy hoạch đã được phê duyệt đến Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý;

b) Đối với đường đô thị, đường huyện và đường do Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi quản lý: Chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ tiến hành phê duyệt quy hoạch các điểm đầu nối vào các tuyến đường do mình quản lý.

2. Thực hiện quy hoạch

a) Cơ quan phê duyệt quy hoạch các điểm đầu nối vào đường chính phải công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch;

b) Khi cần xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng điểm đầu nối có trong Quy hoạch, chủ sử dụng điểm đầu nối lập hồ sơ theo quy định tại Điều 24 Quy định này để được giải quyết.

3. Nút giao đầu nối đường nhánh vào đường chính chỉ được thi công sau khi đã được chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông và cấp phép thi công theo quy định.

4. Sau khi quy hoạch các điểm đầu nối vào đường chính được phê duyệt

a) UBND cấp huyện thực hiện xóa bỏ các điểm không nằm trong quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh;

b) UBND cấp xã thực hiện xóa bỏ các điểm không nằm trong quy hoạch các điểm đầu nối vào đường huyện, đường đô thị, đường do Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi quản lý.

Điều 23. Chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường chính

1. Chủ công trình sử dụng điểm đầu nối nằm trong quy hoạch đã được phê duyệt phải đề nghị chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào đường chính.

2. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy định này.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao; trong đó, cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo nút giao và không yêu cầu bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo theo quy định tại Phụ lục III kèm theo Quy định này;

b) Quy hoạch các điểm đầu nối vào đường chính đã được phê duyệt.

c) Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (*có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông*) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (*bản chính*).

4. Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ có văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường chính. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Đối với các dự án đường bộ xây dựng mới có đầu nối vào đường chính đã được chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ của tuyến đường phê duyệt thiết kế kỹ thuật, không phải thực hiện bước đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông.

Điều 24. Cấp phép thi công nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường chính

1. Sau khi có văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ, chủ sử dụng nút giao phải thực hiện các thủ tục dưới đây trước khi tiến hành thi công nút giao

a) Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao, biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông theo ý kiến thỏa thuận;

b) Tổ chức thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế công trình nút giao theo quy định.

2. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy định này.

3. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công gồm (02 bộ):

a) Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định này;

b) Văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường chính được chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ thỏa thuận (*bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu*);

c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ phải cấp phép thi công nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường chính. Trường hợp không cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

6. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao; nộp 01 (một) bộ hồ sơ hoàn công để chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ lưu trữ và theo dõi, quản lý tuyến đường.

7. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải lập hồ sơ đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

Chương V

NGUỒN VỐN VÀ VIỆC THANH QUYẾT TOÁN KINH PHÍ QUẢN LÝ, KHAI THÁC, BẢO TRÌ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỊA PHƯƠNG

Điều 25. Nguồn kinh phí quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Kinh phí quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, Quỹ bảo trì đường bộ địa phương theo quy định tại Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ Quỹ bảo trì đường bộ và Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 26. Thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Việc thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí thực hiện công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đúng theo quy định tài chính hiện hành.

2. Các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí thuộc ngân sách nhà nước để thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có trách nhiệm thanh toán, quyết toán nguồn vốn đúng theo quy định tài chính hiện hành.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 27. Sở Giao thông vận tải

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý, khai thác, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

2. Trình UBND tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

3. Kiểm tra, thanh tra và xử lý theo thẩm quyền đối với việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

4. Phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện kiểm tra, xử lý các sự cố trong thi công xây dựng và khai thác sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

5. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

6. Tổ chức quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh:

a) Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác phòng, chống và khắc phục thiệt hại do bão, lũ lụt gây ra; tham gia thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, ứng cứu đảm bảo giao thông kịp thời, thông suốt, an toàn;

b) Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

c) Xây dựng kế hoạch vốn phục vụ công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ; thống nhất với Sở Tài chính đưa vào dự toán ngân sách địa phương, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. Thực hiện phân khai chi tiết nguồn vốn được bố trí để thực hiện công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

d) Hàng năm, phê duyệt giá sản phẩm, dịch vụ công ích công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Tài chính. Tổ chức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ;

đ) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 28. Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi đối với các tuyến đường được giao quản lý

1. Tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Lập và phê duyệt quy hoạch đầu nối đường nhánh vào các tuyến đường được giao quản lý (nếu có).

3. Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ.

4. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ; phát hiện và ngăn chặn các tổ chức, cá nhân phá hoại công trình đường bộ, vi phạm hành lang an toàn đường bộ.

5. Phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác cưỡng chế tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép, giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

6. Chịu trách nhiệm về sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình đường bộ, các hư hỏng, xuống cấp trong thời gian khai thác sử dụng công trình đường bộ.

7. Xây dựng kế hoạch vốn thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ; thống nhất với Sở Tài chính đưa vào dự toán ngân sách địa phương, báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Tự thực hiện phân khai chi tiết nguồn vốn được bố trí để thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ.

8. Hàng năm, phê duyệt giá sản phẩm, dịch vụ công ích công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính. Tổ chức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ.

9. Kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền đối với việc thực hiện quản lý, bảo trì công trình đường bộ; công tác đảm bảo giao thông của các nhà thầu thi công trên đường bộ đang khai thác.

10. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác phòng, chống và khắc phục thiệt hại do bão, lũ lụt gây ra; tham gia thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, ứng cứu đảm bảo giao thông kịp thời, thông suốt, an toàn.

11. Cấp và thu hồi giấy phép thi công các công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

12. Lưu trữ và bảo quản hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 29. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý, khai thác, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn huyện, thành phố.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn huyện, thành phố.

3. Quản lý, sử dụng phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định của pháp luật; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với các tuyến đường trên địa bàn huyện, thành phố.

4. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với các tuyến đường trên địa bàn huyện, thành phố.

5. Có trách nhiệm giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định của pháp luật.

6. Lập và phê duyệt quy hoạch đầu nối đường nhánh vào các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị.

7. Bố trí ngân sách hàng năm vào đầu năm để thực hiện công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông trên các tuyến đường huyện, đường đô thị theo quy định hiện hành.

8. Giao phòng chức năng tham mưu cho UBND cấp huyện việc cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường đô thị.

9. Chịu trách nhiệm về sự cố trong thi công xây dựng và khai thác sử dụng công trình đường bộ, các hư hỏng, xuống cấp của công trình đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị.

10. Phê duyệt giá sản phẩm, dịch vụ công ích công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý (*bao gồm cả đường xã*) sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của cơ quan tài chính cấp huyện. Tổ chức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị.

11. Kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền đối với việc thực hiện quản lý, bảo trì công trình đường bộ; công tác đảm bảo giao thông của các nhà thầu thi công trên đường bộ đang khai thác đối với đường huyện, đường đô thị.

12. Thực hiện công tác phòng, chống và khắc phục thiệt hại do bão, lũ lụt gây ra; công tác tìm kiếm cứu nạn, ứng cứu đảm bảo giao thông kịp thời, thông suốt, an toàn đối với đường huyện, đường đô thị.

13. Lưu trữ và bảo quản hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị.

14. Thành lập đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ để thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đối với đường huyện, đường đô thị.

Điều 30. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn.
2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn xã, phường, thị trấn.
3. Quản lý, sử dụng phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định của pháp luật; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với các tuyến đường trên địa bàn xã, phường, thị trấn.
4. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với các tuyến đường trên địa bàn xã, phường, thị trấn.
5. Có trách nhiệm giải quyết tranh chấp, khiếu nại và tố cáo liên quan đến bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.
6. Bố trí kinh phí để thực hiện việc quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường xã.
7. Hàng năm, xây dựng giá sản phẩm, dịch vụ công ích công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ trình UBND cấp huyện phê duyệt. Tổ chức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ đối với đường xã.
8. Kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền đối với việc thực hiện quản lý, bảo trì công trình đường bộ, công tác đảm bảo giao thông của các nhà thầu thi công trên đường bộ đang khai thác đối với đường xã.
9. Thực hiện việc cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường xã.
10. Chịu trách nhiệm về sự cố trong thi công xây dựng và khai thác sử dụng công trình đường bộ, các hư hỏng, xuống cấp của công trình đường bộ đối với đường xã.
11. Thực hiện công tác phòng, chống và khắc phục thiệt hại do bão, lũ lụt gây ra; công tác tìm kiếm cứu nạn, ứng cứu đảm bảo giao thông kịp thời, thông suốt, an toàn đối với đường xã.
12. Lưu trữ và bảo quản hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường xã.

Điều 31. Đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ

1. Thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ, bảo đảm giao thông thông suốt. Phối hợp với cơ quan chức năng và chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông trên các tuyến đường quản lý.

2. Phối hợp với Thanh tra Sở Giao thông vận tải, các cơ quan, đơn vị chức năng và chính quyền địa phương thực hiện giải tỏa các trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ; đồng thời, định kỳ báo cáo chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ về công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý.

3. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, lấn, chiếm và sử dụng trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ. Ngay khi phát hiện, phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành lập biên bản vi phạm, yêu cầu dừng ngay các hành vi vi phạm; nếu cần thiết, phải áp dụng các biện pháp tạm thời nhằm bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ; trong vòng 02 ngày, biên bản phải được gửi đến Thanh tra Sở Giao thông vận tải (*đối với đường tỉnh*), chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ để xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Bàn giao mặt bằng thi công cho các tổ chức, cá nhân được cấp phép thi công trên đường bộ đang khai thác. Giám sát việc thực hiện các quy định trong giấy phép thi công. Phát hiện, ngăn chặn, lập biên bản và báo cáo kịp thời với chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ việc các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định trong giấy phép thi công.

5. Lưu trữ và bảo quản hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý.

Điều 32. Các sở, ngành và đơn vị liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện và hướng dẫn các cơ quan có liên quan khi thẩm định, phê duyệt các dự án quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng công trình và cấp Giấy chứng nhận đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Sở Xây dựng chỉ đạo, hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; hướng dẫn quản lý xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ; chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông đô thị.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi, công trình nước có liên quan đến công trình đường bộ; hướng dẫn việc sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ để canh tác nông nghiệp bảo đảm an toàn công trình đường bộ.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện, Sở Giao thông vận tải hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, phân loại và sử dụng hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.

5. Sở Công Thương chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quy hoạch và xây dựng hệ thống trạm xăng dầu, công trình điện và các cơ sở dịch vụ khác dọc theo đường bộ phải tuân thủ các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

6. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí nguồn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước để thực hiện công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

b) Kiểm tra việc sử dụng ngân sách Nhà nước trong việc thực hiện công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

7. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch và xây dựng các công trình có liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải bảo đảm kỹ thuật và an toàn giao thông.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch và xây dựng các công trình liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải bảo đảm kỹ thuật và an toàn giao thông.

9. Các chủ đầu tư khi lập quy hoạch xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp công trình ảnh hưởng đến an toàn công trình đường bộ phải được sự đồng ý bằng văn bản của chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ. Chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ phải xem xét và trả lời bằng văn bản theo đúng quy định.

Điều 33. Chế độ báo cáo

1. Công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được tổng hợp, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện theo đúng chế độ về thông tin, báo cáo.

2. Hàng năm, chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện, cụ thể:

a) UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện về kết quả thực hiện trên các tuyến đường do mình quản lý; báo cáo định kỳ 6 tháng (trước 15/5) và cả năm (trước 15/11).

b) UBND cấp huyện báo cáo Sở Giao thông vận tải về kết quả thực hiện trên các tuyến đường do mình quản lý và các tuyến đường xã; báo cáo định kỳ 6 tháng (trước 25/5) và cả năm (trước 25/11).

c) Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi báo cáo Sở Giao thông vận tải về kết quả thực hiện trên các tuyến đường do mình quản lý; báo cáo định kỳ 6 tháng (trước 25/5) và cả năm (trước 25/11)

d) Sở Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Giao thông vận tải về kết quả thực hiện trên các tuyến đường do mình quản lý và các tuyến đường bộ địa phương; báo cáo định kỳ 6 tháng (trước 10/6) và cả năm (trước 10/12).

Điều 34. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung không có trong Quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, trường hợp có vướng mắc phát sinh, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Giao thông vận tải*) để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Viết Chữ

Phụ lục I

**Mẫu Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu
trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI
BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**
Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi:(4)

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số .../2015/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy định về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc tỉnh Quảng Ngãi;

(...5...)

(.....2.....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (...7...).

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Hồ sơ thiết kế của (...6...);

- Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

- Lưu VT.

(.....2.....)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị.
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình, đường bộ địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt xã Bình Châu, huyện Bình Sơn nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của tuyến ĐT.621, lý trình từ Km...+...-:- Km...+...”.
- (4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu là Chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ của tuyến đường.
- (5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.
- (6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình thiết yếu.
- (7) Ghi rõ tên đường tỉnh (đường huyện, đường đô thị), cấp kỹ thuật của đường hiện tại và theo quy hoạch, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải tuyến đường, các vị trí cắt ngang qua đường .
- (8) Bản sao có xác nhận của chủ công trình (nếu công trình thiết yếu xây lắp qua cầu hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác).
- (9) Tổ chức tư vấn (độc lập với tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế) hoặc chủ đầu tư lập.
- (10) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

Phụ lục II

Mẫu Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 (2) **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:...../....., ngày..... tháng.....năm 201.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH
Cấp phép thi công (...3...)

Kính gửi:(...4...)

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số/2015/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy định về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc tỉnh Quảng Ngãi;

- Căn cứ (...5..);

(.....2.....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ...tháng ... năm ... đến hết ngày ...tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính)..

+ (...9...)

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu VT.

(.....2.....)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi trong Đơn

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị.
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép trên đường bộ địa phương; ví dụ 1 “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt xã Bình Châu, huyện Bình Sơn nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của tuyến ĐT.621, lý trình từ Km...+... -:- Km...+...”; ví dụ 2 “Cấp phép thi công công trình:, tuyến ĐT.621”, huyện Bình Sơn; ví dụ 3 “Cấp phép thi công nút giao của đường nhánh đầu nối vào tuyến ĐT.621, lý trình Km... (bên phải tuyến), xã Bình Châu, huyện Bình Sơn”; ví dụ 4 “Cấp phép thi công biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của tuyến ĐT.621, lý trình Km..., xã Bình Châu, huyện Bình Sơn”
- (4) Tên cơ quan cấp phép thi công là Chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ của tuyến đường;
- (5) Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cấp có thẩm quyền;
- (6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.
- (7) Ghi đầy rõ lý trình, tên của tuyến đường chính, thuộc địa phận huyện nào.
- (8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt
- (9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.
- (10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

Phụ lục III**Mẫu Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao, đường nhánh
đầu nối vào đường chính**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng.....năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO
ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO ĐƯỜNG CHÍNH**

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi:(4)

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số/2015/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy định về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ (...5.);

(.....2.....) đề nghị được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (...6...).

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ Quy hoạch các điểm đầu nối vào chính đã được phê duyệt;
+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư đường nhánh;

+ Hồ sơ Thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn lập (bản chính).

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo nút giao và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để nút giao được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

(.....2.....)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu VT.

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị.
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (Do Chủ đầu tư đứng đơn).
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình, đường bộ địa phương; ví dụ “Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối tại Km.+.../Trái tuyến hoặc phải tuyến của đường chính”.
- (4) Tên cơ quan chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh là Chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ của tuyến đường.
- (5) Các văn bản pháp lý có liên quan khi thực hiện đầu tư đường nhánh.
- (6) Ghi rõ, đầy đủ tên đường chính, lý trình, phía bên trái hay bên phải tuyến.